

PHAN THỊ HOA LÝ*

**QUÁ TRÌNH TIẾP NHẬN MỘT SỐ TÍN NGƯỠNG
NGƯỜI VIỆT VÀO TỤC THỜ THIÊN HẬU CỦA
NGƯỜI HOA: LỰC BỐI CẢNH TRONG TIẾP BIẾN VĂN HÓA
(Trường hợp đền Thiên Hậu Thượng Phố ở Phố Hiến,
thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên)**

Tóm tắt: Người Hoa di cư đến Việt Nam sinh sống ở nhiều vùng từ lâu đời. Quá trình cộng cư và tiếp xúc văn hóa với nhiều tộc người sở tại đã khiến văn hóa, tín ngưỡng của họ có nhiều biến đổi để thích nghi với môi trường mới. Thiên Hậu cùng với Quan Công và thần Tài là ba vị thần nổi bật nhất trong đời sống tín ngưỡng của người Hoa, được họ sùng tín nhất, và được coi là những hạt nhân phản ánh bản sắc văn hóa tộc người Hoa. Bài viết này tìm hiểu quá trình tiếp nhận một số tín ngưỡng người Việt vào tục thờ Thiên Hậu của người Hoa ở Phố Hiến, nhằm làm rõ quá trình biến đổi văn hóa Hoa để thích ứng với xã hội mới. Nghiên cứu cũng chỉ rõ cơ sở của sự tiếp nhận đó, đồng thời, phân tích những yếu tố ảnh hưởng đến cách thức và nhịp độ tiếp biến văn hóa (lực bối cảnh) Hoa - Việt, để làm tài liệu tham khảo cho các nhà quản lý văn hóa của địa phương.

Từ khóa: Tín ngưỡng, tục thờ Thiên Hậu, người Hoa, tiếp biến văn hóa, bản sắc văn hóa, lực bối cảnh.

Dẫn nhập

Những năm gần đây, nghiên cứu về người Hoa ở miền Bắc đang dần được chú ý hơn. Tuy nhiên, hầu hết các nghiên cứu tiếp cận từ các khía cạnh: lịch sử, kinh tế, xã hội, chính trị, di dân, sinh kế, mạng lưới xã hội hay quan hệ thân tộc, hôn nhân xuyên biên giới... Nghiên cứu chuyên sâu về biến đổi văn hóa, tín ngưỡng của họ vẫn chưa được chú

* Viện Nghiên cứu Văn hóa, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
Ngày nhận bài: 8/11/2023; Ngày biên tập: 14/11/2023; Duyệt đăng: 18/11/2023.

ý. Cho đến nay, mới có một số bài viết và luận văn cao học tìm hiểu về kiến trúc, di tích, lễ hội Thiên Hậu hay lai lịch của một ngôi miếu thờ bà như các nghiên cứu của: Lê Hồng Lý (1999), Phan Thị Yến Tuyết (2001), Nguyễn Thị Hòa (2003), Trần Thị Hương (2008), Nguyễn Thái Hòa (2021a, b). Từ năm 2008, tôi bắt đầu nghiên cứu chuyên sâu về tín ngưỡng thờ Thiên Hậu của người Hoa và tiếp tục theo đuổi chủ đề này cho đến nay. Các nghiên cứu của tôi ngày càng tập trung đi sâu hơn về tín ngưỡng này ở một địa phương cụ thể thuộc miền Bắc, đặc biệt là quá trình tiếp biến văn hóa Hoa với văn hóa của các tộc người sở tại.

Khác với những tác giả đi trước, thường khảo tả di tích và lễ hội Thiên Hậu một cách đơn thuần, chúng tôi sử dụng lí thuyết tiếp biến văn hóa để thực hiện nghiên cứu, theo đó, những biến đổi trong tín ngưỡng thờ Thiên Hậu được nhìn nhận như là kết quả của quá trình tiếp xúc, giao lưu văn hóa giữa cộng đồng di dân Hoa với các tộc người sở tại mà họ cộng cư. Nghiên cứu cũng xem xét mối quan hệ giữa di sản văn hóa của người Hoa với văn hóa của tộc người mà họ tiếp nhận; vai trò của văn hóa tộc người; sự tương đồng văn hóa; đặc biệt là tác động của bối cảnh tiếp nhận (tức các yếu tố kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội...) của nước sở tại tới quá trình tiếp biến văn hóa.

Bên cạnh việc áp dụng lí thuyết tiếp biến văn hóa, chúng tôi cũng sử dụng các phương pháp nghiên cứu hiện đại, phù hợp, bao gồm điền dã Dân tộc học (quan sát tham dự, điều tra hồi cố, phỏng vấn sâu), hệ thống hóa, phân tích, tổng hợp các tư liệu thứ cấp và sơ cấp thu thập được.

Có khá nhiều đền, miếu, hội quán của người Hoa có thờ Thiên Hậu còn tồn tại đến ngày nay. Diện mạo tín ngưỡng thờ Thiên Hậu ở Việt Nam, ngoài những nét chung còn có những nét riêng của từng vùng, miền, từng địa phương, do chịu ảnh hưởng từ bối cảnh kinh tế, văn hóa, xã hội... nhất là chính sách đối với văn hóa khác nhau của từng địa phương. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi không thể khảo sát được tất cả mà lựa chọn nghiên cứu một trường hợp khá điển hình, đó là đền Thiên Hậu Thượng ở Phố Hiến, Hưng Yên.

1. Khái quát về tín ngưỡng thờ Thiên Hậu và địa bàn nghiên cứu

1.1. Khái quát về tín ngưỡng thờ Thiên Hậu

Thiên Hậu là một nữ thần biển nổi tiếng của người Trung Quốc. Bà còn được gọi là Thiên Phi, Thiên Thượng Thánh Mẫu, Thiên Hậu Thánh Mẫu... nhưng phổ biến trong dân gian Trung Quốc là tên gọi Ma Tổ (tức mẹ tổ). Theo nghiên cứu của chúng tôi, có nhiều tài liệu của Trung Quốc ghi chép những thông tin cơ bản về sự tích bà là con gái của Lâm Nguyên, sinh vào ngày 23/3/960 và mất vào ngày 9/9/987 âm lịch, quê ở đảo Mi Châu, thuộc huyện Bồ Điền, tỉnh Phúc Kiến. Lúc bà được sinh ra bỗng có một luồng sáng đỏ sa xuống, chói loà và có hương thơm nồng đượm. Từ khi sinh ra cho đến lúc đầy tháng, bà không một lần cất tiếng khóc, vì thế người ta gọi bà là Lâm Mặc, cha mẹ bà cũng gọi con là Lâm Mặc nương hay Mặc nương (cô gái im lặng). Lâm Mặc rất thông minh, lớn lên theo thầy học sách và tinh thông y thuật, thường trị bệnh cứu người, dạy dân cách phòng dịch bệnh... Một lần, cha và hai anh đi biển gặp nạn, bà ở nhà nhắm mắt vận phép cứu trợ, người mẹ tưởng con bị bệnh liền lay gọi, khi Bà mở miệng trả lời và nói rằng chỉ cứu được cha còn anh thì trôi mất (cũng có dị bản nói rằng chỉ cứu được hai anh còn cha bị trôi mất). Mấy ngày sau, hai người anh trở về và thuật lại chuyện y như vậy. Đến năm 28 tuổi, bà không bệnh mà mất. Sau khi mất, bà thường hiển linh, mặc áo đỏ, cưỡi chiêu bay trên biển để cứu người gặp nạn. Dân trong vùng lập đền thờ bà, tín ngưỡng thờ Ma Tổ ra đời từ đó [Phan Thị Hoa Lý, 2018: 134-136].

Các nghiên cứu của Trung Quốc như *Hải thần Thiên Hậu ngư gia nữ: Ma Tổ* của Dương Hiểu Yên, 2012; *Tín ngưỡng Ma Tổ* của Lý Lộ Lộ, 1994,... cho biết, hai thế kỉ sau khi ra đời, do điều kiện lịch sử, kinh tế, chính trị, xã hội của Trung Quốc tạo điều kiện cho tín ngưỡng này phát triển mạnh mẽ, toàn diện và lan tỏa ra khắp đất nước này, đồng thời, kết hợp thêm các vị thần lục địa vào điện thần của mình như: Lý Bạch, Đại Vũ, Khuất Nguyên... Bà được các triều đại liên tục sắc phong, thăng cấp lên đến mức cao nhất là “Thiên Hậu”, được xây miếu thờ, đưa vào tự điển quốc gia và quy định cách thức thờ cúng. Các truyền thuyết về Ma Tổ không ngừng được sản sinh, qua đó, bà

cũng được “cấp” thêm nhiều chức năng mới như: trị thủy, trị bệnh, giúp triều đình dẹp giặc, diệt trừ hải khấu và bảo hộ cho phụ nữ trong khi sinh đẻ... Tín ngưỡng này cũng ghi nhận những ảnh hưởng mạnh mẽ của Nho giáo, Phật giáo và Đạo giáo Trung Quốc, đồng thời, có sức ảnh hưởng mạnh mẽ đối với nền chính trị của Trung Quốc. Đến thời cận đại, theo bước chân di cư của người Hoa, tín ngưỡng này lan tỏa ra nhiều nơi trên thế giới, nhất là vùng Đông Nam Á. Năm 2009, “Tín ngưỡng và phong tục đối với Ma Tổ” được công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại [Phan Thị Hoa Lý, 2018: 138 -150].

Ở Trung Quốc, nghi thức tế lễ, kiêng kị, lễ hội... về Ma Tổ mang đặc trưng văn hóa Trung Hoa truyền thống, đồng thời cũng chứa đựng những nét văn hóa riêng, độc đáo của từng vùng, miền. Có nơi cúng tế bà trên thuyền, cúng xong, họ thả hoa và đồ rượu xuống biển rồi tổ chức hội đua thuyền rồng, có nơi cúng tế bà trong miếu, tổ chức rước kiệu với tục chui kiệu, xoay kiệu... dịp lễ hội có nơi múa sư tử, dàn trận Tống Giang, đánh chiêng trống, diễn kịch..., có nơi lại đọc văn tế, biểu diễn xiếc, đi cà kheo, dâng hương, đấu vật, trèo cột, múa bươm, múa mây, múa phượng... [Phan Thị Hoa Lý, 2018: 152-159].

1.2. Khái quát về địa bàn nghiên cứu

Địa giới của Phố Hiến xưa, nay thuộc khu vực từ thôn Đằng Châu, phường Lam Sơn đến thôn Nễ Châu, phường Hồng Châu, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên. Nơi đây từng là trung tâm mậu dịch, đối ngoại lớn nhất của Đàng Ngoài, thu hút thương nhân từ nhiều nước trên thế giới như Hà Lan, Bồ Đào Nha, Anh, Pháp, Ấn Độ, Malayxia, Nhật Bản... đến buôn bán và sinh sống. Trong số đó, người Hoa đến sớm nhất, đông đảo nhất và cũng sinh sống ở đây lâu đời nhất. Các đợt di cư tập trung của họ là vào thế kỉ XIII và thế kỉ XVII, gồm người Hoa từ Quảng Đông, Quảng Tây, Phúc Kiến sang và một số từ Quảng Ninh, Kẻ Chợ... hình thành nên phố Bắc Hòa [UBND tỉnh Hải Hưng - Hội Khoa học lịch sử Việt Nam, 2006: 25, 43, 85, 110, 215-216]. Thế kỉ XVII còn có người Việt (Kinh) di cư từ: Quảng Bình, Nghệ An, Thanh Hóa, Hà Tây, Hải Hưng, Nam Hà, Hà Nội tới đây sinh sống, hình thành nên phố Nam Hòa [UBND tỉnh Hải Hưng – Hội Khoa học lịch sử Việt Nam, 2006: 24, 43, 110, 215-216]. Khi Phố

Hiển không còn sầm uất, những thương nhân người Hoa chuyển về các thành phố lớn như Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định, Đà Nẵng... Từ năm 1946 - 1954, Phố Hiến bị chiến tranh tàn phá nặng nề, khiến cho thương nhân người Hoa lại ra đi, đồng thời, năm 1954 cũng có rất nhiều người theo Công giáo ở đây di cư vào Nam [UBND tỉnh Hải Hưng – Hội Khoa học lịch sử Việt Nam, 2006: 111]. Đặc biệt, thời gian trước và sau sự kiện chiến tranh biên giới phía Bắc năm 1979, đã ảnh hưởng đến việc di cư của người Hoa ở Phố Hiến. Số ít ở lại là những người đã định cư ở đây từ bốn đời trở lên. Đến năm 1994, Phố Hiến chỉ còn 18 hộ với 70 nhân khẩu là người Việt gốc Hoa. Dân cư đến đây từ thế kỉ XVII còn lại khá ít, chủ yếu là dân từ các vùng lân cận di cư đến từ sau năm 1954 [UBND tỉnh Hải Hưng - Hội Khoa học lịch sử Việt Nam, 2006: 111-112]. Đến năm 2019, theo kết quả cuộc tổng điều tra dân số và nhà ở, toàn tỉnh Hưng Yên có 44 người Hoa [Tổng cục Thống kê, 2020: 108]. Đây là những người tự khai trong các giấy tờ tùy thân là người Hoa, còn trên địa bàn thuộc Phố Hiến xưa kia, theo kết quả điều tra năm 2019 của chúng tôi, chỉ còn những người tự nhận mình là người Việt gốc Hoa ước chừng 50 người, do lớp con cháu của họ có nhiều người thoát li đến những vùng khác sinh sống.

2. Đền Thiên Hậu Thượng phố và quá trình tiếp nhận một số tín ngưỡng Việt

Đền Thiên Hậu Thượng phố còn được gọi là đền Thiên Hậu Thượng, còn người dân Phố Hiến hiện nay thường gọi là đền Mẫu, nằm trên đường Trưng Trắc, phường Quang Trung, thành phố Hưng Yên. Đền được xây dựng vào năm 1640, do di dân Hoa ở Phố Hiến góp tiền xây dựng, bởi vậy, đền mang nhiều đặc trưng kiến trúc Hoa truyền thống như: các hợp phần của kiến trúc được xây dựng tương đối khép kín trong khuôn viên, mái lợp ngói ống, hệ thống tượng gốm, phù điêu trang trí phản ánh các tích truyện của Trung Quốc... Cho đến nay, kiến trúc của đền không biến đổi nhiều, các đợt trùng tu đều khôi phục diện mạo xưa của di tích. Đáng chú ý là sự biến đổi của hệ thống các vị thần được thờ tự trong đền (chúng tôi tạm gọi là “thần điện” – theo cách dùng của tác giả Nguyễn Duy Hinh) cùng các lễ tiết, nghi

thức thờ cúng, đồ cúng, trang phục và các thành phần tham gia vào việc quản lý di tích và thực hành tín ngưỡng tại đền.

Từ ngoài đi vào đền, ngay trong cổng tam quan nội, bên phải có ban thờ Thổ thần và Mua hậu, bên trái có ban thờ ông Hoàng Búa và ban “các cụ quy” (những người đã quy tiên, tức đã chết). Tên gọi của các ban thờ này được viết bằng tiếng Việt, trên một tấm biển nhỏ, đặt trên ban thờ. Nhìn vào diện mạo và tên gọi của các vị thần này, chúng ta nhận thấy có nhiều điểm mới, lạ. Thổ thần là cách người Việt gọi tên vị thần Đất của mình, nhưng bức tượng trong khám thờ này mang dung mạo của vị thần Tài (còn được gọi là Phúc Đức Chính thần) của người Hoa - một vị thần phù hộ việc buôn bán và cầu mong giàu có với gương mặt hồng hào, chòm râu dài bạc trắng và tay cầm thoi vàng. Vị thần Đất của người Việt không có dung mạo này và có chức năng trông coi, quản lý đất đai của một khu vực nào đó. Ban thờ mang tên gọi Thổ thần, được đặt ở trong tam quan nội, rõ ràng hàm ý là vị thần trông coi đất đai của đền. Như vậy, tục thờ Thổ thần ở đây với tên gọi và chức năng của một vị thần Việt nhưng mang diện mạo của một vị thần người Hoa đã cho thấy quá trình tiếp biến văn hóa hai chiều, tích hợp cả yếu tố văn hóa Hoa và Việt trong tục thờ này.

Bên cạnh ban thờ Thổ thần là ban “Mua hậu”, chúng tôi chưa rõ xuất hiện chính xác từ thời gian nào, nhưng chắc chắn nó xuất hiện trước khi người Việt thay người Hoa quản lý ngôi đền này. “Thờ hậu” là phong tục của người Việt, là thờ cúng những người không có con trai nối dõi tông đường, lo việc cúng giỗ sau khi mất. Những người này, lúc sống thường đóng góp một khoản tiền nhất định cho làng hay cho chùa, đền hoặc cúng tiến ruộng, đất, đồ thờ, vàng bạc... để sau này làng hay nhà chùa, đền thờ cúng mình lâu dài, gọi là “mua hậu” hay “gửi hậu”. Đây là một tục lệ của người Việt, đã được tiếp nhận vào đền của người Hoa.

Đặc biệt, trong tín ngưỡng của người Hoa, không có vị thần nào mang tên Hoàng Búa và chúng tôi cũng chưa bắt gặp tư liệu nào nói về vị thần này cho đến thời điểm nghiên cứu. Nhiều người được hỏi đều nói không biết vị thần này là ai, có người nói: “Ông Hoàng Búa kiểu như ông Thiên Lôì ấy” [PVS, thủ nhang, ngày 18/02/2019, Phố Hiến],

duy có một ông cụ người gốc Hoa, thuộc một dòng họ khá giàu có, trí thức, có uy tín và có hiểu biết sâu về cộng đồng người Hoa ở nơi đây, lại từng tham gia vào Ban Quản lý đền từ năm 1968 đến năm 1973, cho biết: “Hoàng Búa là tín ngưỡng của người Việt, là chúa Thượng Ngàn với mấy ông Hoàng đây. Có lẽ thời ông T¹. làm quản lý đưa vào” [Pvs ông Q., người Việt gốc Hoa, ngày 23/3/2019, tại Phố Hiến]. Nhìn vào bức tượng Hoàng Búa với khăn đỏ trùm đầu, ban thờ có cảnh vàng lá bạc và trên trần có treo chiếc nón công đồng, chúng ta cũng dễ dàng nhận ra đây là một vị thần trong điện thần Tứ phủ. Mặt khác, với tên gọi “Hoàng Búa” cùng với vị trí thờ ngay gần cửa ra vào, chúng ta dễ liên tưởng đến vị Môn thần của người Hoa trong miếu, hội quán... Năm 2022, trong đợt trở lại điền dã tại nơi này, chúng tôi thấy ban thờ Hoàng Búa đã được sửa sang, giỏ hoa cùng cảnh vàng lá bạc, bộ nón công đồng được bỏ đi, thay vào đó là đôi ngựa bạch nhỏ châu hai bên khám thờ. Như vậy, Hoàng Búa có thể được xem như là sự tích hợp giữa Môn thần của người Hoa với các ông Hoàng (ông Hoàng Bảy, ông Hoàng Mười,...) của tín ngưỡng Tứ phủ người Việt (xem ảnh 1).



Ảnh 1: ban thờ ông Hoàng Búa
Nguồn: Phan Thị Hoa Lý chụp ngày 22/4/2022

Bên cạnh ban thờ Hoàng Búa là ban thờ “các cụ quy”. Ông Q. cho biết, đây là nơi thờ tự những người Hoa trông coi đền đã mất. Những người này thuộc các dòng họ: Lâm, Lý, Quách, Hoàng, là bốn dòng họ đóng góp chủ yếu vào việc xây dựng đền Thiên Hậu Thượng. Bởi vậy, chỉ những người thuộc bốn dòng họ này mới được quyền trông nom, hương khói cho đền [Pvs, ông Q., người Việt gốc Hoa, ngày 19/02/2019, tại Phố Hiến]. Tuy nhiên, ở ban thờ này, ngoài bia của một số thủ từ thuộc bốn dòng họ nói trên, chúng tôi còn thấy bia ghi tên của một gia đình gồm ba người: chồng họ Phạm, vợ họ Chu và chỉ có một cô con gái duy nhất cũng từng làm thủ từ cho đền nên có tên hiệu là “Diệu Cúc”. Như vậy, có lẽ, ngoài bốn dòng họ trên thì sau này, các dòng họ khác cũng được làm thủ từ.

Qua cổng nội là một khoảng sân nhỏ. Bên trái cổng nội (theo hướng từ ngoài đi vào) là cung *Tứ phủ Vạn linh*, bên phải là cung *Tứ phủ Châu bà*. Vào năm 2011, trong khám thờ ở cung Tứ phủ Vạn linh có ba pho tượng, ở giữa là tượng *Ngọc hoàng* mặc áo vàng, hai bên là hai tượng nữ mặc áo đỏ, trùm khăn đỏ. Khám được che rèm đỏ, ban thờ có bày tiền vàng và mũ công đồng, trên trần treo nhiều nón công đồng và có đôi rần trên hai xà nhà. Phía dưới ban thờ này là nơi thờ Bạch hổ, có vẽ hình động sơn trang, gọi là hạ ban. Tuy nhiên, đến năm 2019, khi chúng tôi quay lại đây điền dã thì trong khám bày tám bức tượng nữ, chia thành hai hàng, hàng trong năm tượng, hàng ngoài ba tượng. Trước khám có ba bài vị, bài vị ở giữa khắc dòng chữ Hán: “Thượng Thiên Đức ông tổng quản tam giới”, hai bên là bài vị của “Đệ Tam Đức ông” và “Đệ Ngũ Đức ông”. Đây rõ ràng là điện thần Tứ phủ với các nữ thần hàng Châu Bà cùng Ngọc hoàng và các nam thần hàng Quan. Nhiều người được hỏi cũng xác nhận đây là nơi thờ Mẫu và diễn ra các cuộc lên đồng, ông Q. thì nói rõ hơn: “Tứ phủ vạn linh là thờ Mẫu của người Việt, trong thờ sơn trang” [Pvs, ông Q., người Việt gốc Hoa, ngày 23/3/2019, tại Phố Hiến].

Bên phải cổng nội là cung Tứ phủ Châu bà (xem ảnh 2). Trong cung có khám thờ, bên trong có bốn bức tượng nữ khoác bốn màu áo khác nhau (đỏ, vàng, trắng, xanh). Trên trần nhà treo nhiều nón công đồng và có đôi rần quán trên hai xà nhà. Rõ ràng, đây là điện thần Tứ

phủ với đầy đủ: Thiên phủ (mẹ Trời) khoác áo màu đỏ; Địa phủ (mẹ Đất) khoác áo màu vàng; Thoải phủ (mẹ Nước) mặc áo màu trắng; và Nhạc phủ (mẹ Rừng) khoác áo màu xanh. Cái tên “Tứ phủ Châu bà” cũng cho thấy rõ thứ bậc của bốn Mẫu thần này trong hệ thống điện thần Tứ phủ là ở hàng Châu. Tuy nhiên, ông thủ từ và một số người Việt gốc Hoa lại khẳng định rằng, đây là tượng bốn bà Cô tổ của bốn dòng họ: Lâm (mặc áo màu trắng), Lý (áo màu xanh), Quách (áo màu vàng nhạt), Hoàng (áo màu đỏ). Họ được thờ ở đền là do có công thờ phụng bà Thiên Hậu. Trong cung có đôi câu đối như là minh chứng cho lời ông thủ từ:

*Tứ vị công nương phủ Thánh mẫu
Xuân, hạ, thu, đông vạn tâm thành.*



Ảnh 2: Bàn Tứ phủ Châu bà (Tổ cô)
Nguồn: Phan Thị Hoa Lý chụp ngày 22/4/2022

Ông Q. cũng cho biết: “Bốn bà Tổ cô không chồng của người Hoa chết trước khi họ di cư sang Phố Hiến. Sau khi người Hoa xây ngôi đền này, thấy bà Thiên Hậu cũng không lấy chồng nên bốn dòng họ kia xin đưa bài vị Tổ cô vào thờ với ý nghĩa xin theo hầu Thiên Hậu, cho nên Tứ phủ Tổ cô và Tứ phủ Vạn linh đều có từ rất sớm, sau khi xây đền vài năm. Ngài không có gia đình nên phải chọn người không có gia đình phục vụ ngài chứ” [Pvs ông Q., người Việt gốc Hoa, ngày 19/02/2019 tại Phố Hiến]. Khi tôi hỏi tại sao mỗi bà lại có một màu áo khác nhau như vậy thì ông trả lời rằng: “Bốn màu áo là phân biệt bốn

bà thôi chứ thực tế không quy định” [Pvs, ông Q., người Việt gốc Hoa, ngày 23/3/2019, tại Phố Hiến], tuy nhiên, bốn bà Tổ cô này không có ngày giỗ riêng, mà chỉ được cúng chung trong các ngày lễ của đền. Sự nhập nhằng giữa bốn bà Cô tổ của người Hoa với bốn vị Thánh Mẫu trong điện thần Tứ phủ này vừa cho thấy sức ảnh hưởng mạnh mẽ của tín ngưỡng Tứ phủ, vừa cho thấy khả năng “biến báo” để thích ứng với tín ngưỡng của tộc người sở tại. Ông Q. nói thêm: “Bốn Tổ cô của bốn dòng họ gắn với người trông nom, thờ phụng Bà. Tứ phủ Tổ cô là của người Hoa (hướng Đông), Tứ phủ Vạn linh là của người Việt (hướng Tây), tương ứng với nó là ban Đông phối, Tây phối trong đền” [Pvs, ông Q., người Việt gốc Hoa, ngày 19/02/2020 tại Phố Hiến]. Khi tôi hỏi về thời điểm xuất hiện hai cung thờ này thì ông Q. cho biết: “Ngay từ đầu đã xây hai cung ấy nhưng chỉ thờ bát nhang và gọi là điện thôi. Sau đó, khoảng trước cách mạng 1945 là người ta thờ Tứ phủ Vạn linh và Tứ phủ Tổ cô rồi. Làm như vậy là do họ thay đổi quan điểm” [Pvs, ông Q., người Việt gốc Hoa, ngày 19/02/2020 tại Phố Hiến]. Một người Việt gốc Hoa khác, sinh năm 1941 cho tôi biết, khi ông chừng 5-6 tuổi thì đền đã thờ bốn bà Cô tổ và đã có lên đồng rồi [Pvs, ông H., người Việt gốc Hoa, ngày 12/04/2019, tại Phố Hiến].

Đền Thiên Hậu Thượng thờ Thiên Hậu là vị thần chính. Khám thờ bà được đặt ở gian giữa của chính điện, trong có năm tượng Thiên Hậu cùng bốn tượng nữ hầu, hai bên khám có hai võ quan đứng gác. Tiếp đó là một hương án rồi đến hai ban thờ Thiên Lý Nhân và Thiên Lý Nữ và ngoài cùng là ban thờ công đồng các quan. Hai bên ban thờ Thiên Lý Nhân và Thiên Lý Nữ là ban thờ Đông phối (phối thờ phía đông – Tứ vị Tổ cô) và ban thờ Tây phối (phối thờ phía tây – Tứ phủ Vạn linh). Gian bên trái có ban thờ Đức Thánh tổ, tương truyền đó là cha, mẹ của bà Thiên Hậu, chéch phía trước là ban thờ Quan lớn tiên phong đại thần, đây là người dẫn đường, giúp việc cho bà Thiên Hậu. Gian bên phải có ban thờ Đức vua Thủy Tiên vương, “là người cai trị biển cả” [Pvs, ông H.V.T. thành viên Ban quản lý đền, ngày 24/5/2008, tại đền Thiên Hậu Thượng], hay “là vua Thủy Tề của mình ấy, vua dưới nước” [Pvs, ông X. tại đền Thiên Hậu Thượng, ngày 18/02/2019, tại Phố Hiến]. Vào khoảng năm 2000 - 2004 người dân thờ Bác Hồ bên cạnh ban thờ cha mẹ Thiên Hậu, nhưng sau khi trùng

tu đền, có nhiều ý kiến bàn luận, cuối cùng người ta chuyển tượng Bác ra thờ ở Giải vũ.

Ban thờ Thiên Hậu được trang trí đậm phong cách Tứ phủ với rèm đỏ che phía trước, hoa vàng, hoa bạc và quạt hầu bày trên ban thờ. Trên ban thờ còn đặt một tấm biển, ghi: “Đức Thiên Hậu Thánh Mẫu vô cực Nguyên quân”. Trao đổi với chuyên gia nghiên cứu Chu Xuân Giao ngày 27/3/2023, được biết, trong cuốn *Hội Chân biên* của Thanh Hòa Tử, bản chữ Hán, ở trang 36, Liễu Hạnh còn được gọi là “Liễu Hạnh Nguyên quân”. Như vậy, tấm biển kia đã cho thấy ảnh hưởng của Thánh Mẫu Liễu Hạnh tới danh xưng của bà Thiên Hậu nơi đây.

Như vậy, cho đến nay, thần điện ở đền Thiên Hậu Thượng đã có nhiều thay đổi. Ngoài việc phối thờ cha mẹ Thiên Hậu và những thủ từ trông coi đền đã mất là người Hoa thì các vị thần: Thủy Tiên vương, Quan lớn Tiên phong Đại thần, võ quan canh gác, thổ thần là những vị thần có sự “nhập nhằng”, tích hợp cả tín ngưỡng Hoa và Việt. Đền cũng đã tiếp nhận tục mua hậu, đặc biệt là tín ngưỡng thờ Tứ phủ của người Việt.

Ông Q. cho tôi biết, khi xây đền Thiên Hậu Thượng thì người Phúc Kiến đóng góp chủ yếu, người Quảng Đông và Quảng Tây đóng góp ít. Ban đầu, đền có ba pho tượng Thiên Hậu do người Hoa thuộc ba nhóm này đem từ Trung Quốc sang cúng tiến. Đền còn có Thánh phả của Thiên Hậu cũng được đưa từ Viện Nghiên cứu Ma Tổ ở Trung Quốc về thờ. Thời kì tham gia vào Ban quản lý đền, ông còn phát hiện một cuốn sách thuốc đã mục nát bèn phục chế và đem sao chụp thành hai bản để ở hai ngôi đền thờ Thiên Hậu tại Phố Hiến, ông không giữ một bản nào bởi coi đó là sách của Thánh. Sau đó, hai cuốn sách này đều thất lạc. Ông kể, ngày xưa, khi cộng đồng người Hoa ở đây còn đông đúc, họ tự bảo nhau trông coi đền và tổ chức lễ hội. Họ cắt cử mỗi năm một dòng họ (trong số bảy dòng họ lớn di cư đến đây trước) sẽ đăng cai tổ chức lễ hội sinh nhật và hóa nhật của Thiên Hậu. Dòng họ đăng cai sẽ sắm cỗ để cúng. Cỗ cúng gồm các món: lợn quay, gà luộc, khâu nhục, thịt kho tàu, bánh Tô Châu, thạch rau câu và cơm nắm muối vừng; dịp vía hóa (ngày 09/09 âm lịch) thì cúng thịt nấu đông và xôi trắng đóng oản, hoa quả thì mùa nào thức ấy. Vào trước

ngày chính hội, mỗi dòng họ đều soạn một mâm cỗ đến dâng cúng Bà. Đến ngày lễ chính, các dòng họ sẽ làm lễ cúng trước tiên, sau đó mới đến quan chức địa phương và dân làng. Một số thiếu nữ người Hoa được lựa chọn mặc trang phục Hoa truyền thống, bưng các mâm lễ đi thành hai hàng từ sân vào chính điện dâng lễ. Hai bên cửa chính điện sẽ có hai thiếu nữ đứng sẵn để đón các mâm lễ đặt lên hai ban Đông phối và Tây phối. Sau đó, đại diện của các dòng họ (nam giới) sẽ đứng sắp thành hàng ngang ở sân trước chính điện, chấp tay làm lễ. Ngoài dịp lễ hội Thiên Hậu, xưa, đền còn có các lễ tiết: Thượng nguyên, Đoan ngo (5/5 âm lịch), rằm tháng 7, Trung thu và cúng Giao thừa. Vào dịp lễ hội, người Hoa thường giăng dây trang kim và treo đèn lồng trang trí cho đền và tổ chức các hoạt động vui chơi, biểu diễn văn nghệ [Pvs, ông Q., người Việt gốc Hoa, ngày 19/02/2020 tại Phố Hiến]. Hiện nay, một số người Việt cao tuổi vẫn còn nhớ: “Xưa Trung thu lễ lớn, họ be bờ hai bên trung điện, đổ đầy nước để thả đèn hoa đăng” [Pvs, ông X. tại đền Thiên Hậu Thượng, ngày 18/02/2019. “Họ” mà ông X. nói đến là chỉ người Hoa]. Quỹ của đền do người Hoa đóng góp, chỉ vào việc nhang đèn, còn trông coi là tự nguyện, không phải trả lương [Pvs, ông Q., người Việt gốc Hoa, ngày 19/02/2020 tại Phố Hiến].

Thời kỳ từ 1945 đến 1954, do Hưng Yên nằm trong vùng tạm chiếm nên vẫn còn khá yên ổn và người Hoa vẫn tổ chức lễ hội. Thậm chí, có viên quan Pháp đã từng đến dự lễ hội này: “Đến thời Pháp thuộc, có một tay Toàn quyền có đến dự hội Thiên Hậu” [Pvs, ông Q., người Việt gốc Hoa, ngày 19/02/2020 tại Phố Hiến]. Từ năm 1954 đến 1985, do điều kiện chiến tranh, chính sách với tôn giáo, tín ngưỡng của Nhà nước và yếu tố khách quan trong quan hệ ngoại giao giữa hai nước Việt - Trung, đã khiến cho đền phải đóng cửa, không có người trông nom, hương khói và không tổ chức lễ hội. Thời gian này, có một ông người Việt vào ở nhờ trong đền, làm nghề vẽ chân dung trên đĩa men rồi đưa sang Hải Dương nung. Người này đã tự nguyện lo việc hương khói cho đền vào những ngày sóc, vọng và dịp Tết Nguyên đán [Pvs, ông Q., người Việt gốc Hoa, ngày 19/02/2020 tại Phố Hiến]. Phải đến khi bắt đầu thời kỳ Đổi mới, cùng với chính sách mở cửa nền kinh tế thị trường, Nhà nước ban hành một số chính sách cởi mở hơn

với tôn giáo, tín ngưỡng, cho phép khôi phục các di tích và mở lại lễ hội thì các sinh hoạt tín ngưỡng tại đền Thiên Hậu mới dần dần được phục hồi. Lúc này, bốn dòng họ lớn của người Việt gốc Hoa còn ở lại Phố Hiến (Hoàng, Ôn, Lý, Quách) cùng nhau phục hồi lại các sinh hoạt tín ngưỡng tại đền. Được chính quyền cho phép, họ lập ra Ban Quản lý đền, cất đặt người làm trưởng ban, phó ban, thủ quỹ, thủ nhang... đồng thời ra thông báo gửi tới những người họ hàng, anh, em, con cháu là người gốc Hoa tại Phố Hiến hiện đang sinh sống ở những nơi khác như Hà Nội, Thái Bình, Nam Định... về dự lễ hội đền. Đặc biệt, từ khi đền được Bộ Văn hóa Thông tin công nhận là Di tích kiến trúc văn hoá nghệ thuật năm 1992, sau đó, một cuộc hội thảo khoa học quốc tế về Phố Hiến được tổ chức (diễn ra vào ngày 10 và 11/12/1992), nhân dịp đón bằng công nhận Di tích lịch sử, văn hóa, nghệ thuật cấp Quốc gia của hàng loạt di tích trên đất Phố Hiến đã tạo ra một cú hích mạnh mẽ cho sự phát triển của lễ hội này.

Qua phỏng vấn ông T., một người Việt gốc Hoa tham gia Ban Quản lý đền cho biết, năm 2002, Ban quản lý đã có sự thay đổi về lễ phục, đã tạo ra hiệu ứng tốt đối với các lễ hội sau này [Phỏng vấn ông T., ngày 24/5/2008, tại Phố Hiến]. Tuy nhiên, từ năm 2000, bắt đầu có sự tham gia của người Việt vào Ban Quản lý đền Thiên Hậu và con số này tăng dần cho đến năm 2012. Cũng từ đó, người Việt gốc Hoa ngày càng ít tham gia vào các sinh hoạt tín ngưỡng của đền, thay vào đó là sự hiện diện ngày càng nhiều hơn của người Việt ở không gian này.

Từ khi phục hồi lễ hội vào năm 1986, đền Thiên Hậu Thượng được Phòng Văn hóa - Thông tin thành phố Hưng Yên quản lý về mặt hành chính, Phó Chủ tịch phường thường đảm nhiệm vai trò Trưởng Ban Tổ chức lễ hội. Cộng đồng người Việt gốc Hoa tự lo việc trông nom, hương khói cho đền và tổ chức lễ hội. Nguồn kinh phí chi cho các hoạt động của đền cũng do họ đóng góp. Tuy nhiên, từ năm 2012, khi người Việt gốc Hoa không còn tham gia vào Ban Quản lý di tích, do đó, Phường quản lý mọi mặt hoạt động cũng như các khoản thu, chi của đền. Phường cử một người làm thủ nhang và có trả thù lao cho họ.

Tiếp đó, một thay đổi mạnh mẽ trong việc quản lý và tổ chức lễ hội ở đền Thiên Hậu Thượng được bắt nguồn từ sự kiện Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định số 2408/QĐ-TTg, ngày 31/12/2014, xếp hạng Khu

Di tích Quốc gia đặc biệt cho quần thể gồm 16 di tích tiêu biểu của Phố Hiến, trong đó có đền Thiên Hậu Thượng. Đến năm 2017, Ủy ban Nhân dân tỉnh Hưng Yên ra Quyết định số 2156/QĐ-UBND, ngày 28/7 về việc thành lập Ban Quản lý Khu Di tích Quốc gia đặc biệt, trực thuộc Ủy ban Nhân dân thành phố Hưng Yên và đi vào hoạt động từ tháng 11 năm 2017. Cũng từ đó, ban này trực tiếp quản lý và tổ chức mọi hoạt động của đền. Họ thuê một người đàn ông làm thủ nhang kiêm bảo vệ của đền. Vào những ngày rằm và mùng một, một nhân viên của Ban Quản lý sẽ mua hoa quả, trầu cau, vàng hương đem đến thắp hương tại đền. Trong đền cũng sử dụng internet và lắp camera giám sát. Mọi chi phí duy trì hoạt động của đền cũng như trả lương cho thủ nhang, bảo vệ, tiền điện, nước, tiền mua đồ lễ, kinh phí tổ chức lễ hội... đều do Ban Quản lý mới chi trả.

Vào dịp lễ hội Thiên Hậu, Ban Tổ chức sẽ lo mọi việc, từ trang trí, chuẩn bị đồ lễ, viết kịch bản lễ hội đến việc mời các cấp chính quyền và các cơ quan, đoàn thể đóng trên địa bàn đến dự. Lễ hội được giản lược hơn so với trước kia, với một bảng chương trình được in sẵn, đặt trước đền. Vào ngày lễ hội, một số nhân viên trong Ban Quản lý được cắt đặt các nhiệm vụ: dẫn chương trình, ghi chép sổ công đức, kê bàn ghế, rót nước đón tiếp bà con cùng khách thập phương tới dự lễ hội. Nếu như trước đây, gần đến ngày lễ hội, một số bà con trong phường tự nguyện đến đền bao sái, dọn dẹp và chuẩn bị đồ lễ, thì nay, tất cả đã có Ban Quản lý làm, còn họ trở thành những vị khách.

Ban Quản lý cũng đặt ra lịch cúng tế mới cho đền. Lịch có sáu lễ tiết trong năm thì trong đó có hai lễ sinh nhật và hóa nhật của Thiên Hậu, còn lại bốn lễ tiết khác mới được đưa vào, gồm lễ Thượng nguyên, vào hè, ra hè, tất niên, lại chính là bốn lễ tiết lớn nhất của tín ngưỡng Tứ phủ nói riêng và tín ngưỡng người Việt nói chung.

Đồ cúng trong lễ hội Thiên Hậu cũng có sự thay đổi đáng kể. Thời kỳ người Hoa quản lý và tổ chức lễ hội thì họ cúng các món ăn truyền thống của người Hoa, riêng ban thờ Thiên Hậu thì cúng bánh Tô Châu, bánh rùa, cơm nắm, muối vừng, thạch rau câu. Dần dần, do nguyên liệu để làm bánh rùa và thạch rau câu cũng hiếm nên được thay thế bằng xôi gấc. Đặc biệt, có thêm món xôi đậu xanh hoặc xôi vò và chè hoa cau. Ngày nay, Ban Quản lý cúng mặn vào ngày 22/3

còn chính hội 23/3 thì hầu hết các ban đều được cúng bằng xôi chè, riêng ban Thiên Hậu và một số ban trong chính điện được cúng thêm cơm nắm muối vừng.

Cho đến nay, các thành phần tham gia vào lễ hội cũng có sự thay đổi lớn. Từ Ban Quản lý, Ban Tổ chức lễ hội đến thủ nhang, khách hành hương và người dân đến cúng lễ, dự hội hầu hết là người Việt, chỉ có một số ít người Việt gốc Hoa có quê hương là Phố Hiến nhưng đang sinh sống ở nơi khác như Hà Nội, Nam Định, Hải Phòng... thường về cúng lễ. Một số Hoa kiều, Việt kiều gốc Hoa khi về thăm thân nhân và quê hương Phố Hiến cũng thường đến lễ đền, nhất là con cháu của bốn dòng họ: Lâm, Lý, Quách, Hoàng. Năm 2019, khi tôi đến quan sát tham dự lễ hội kỷ niệm Thiên Hậu tại đền vào ngày 6/10 (ngày 9/9 âm lịch), bắt gặp một đoàn khách khoảng 20 người, là con cháu dòng họ Hoàng từ Mỹ về thăm quê đến lễ đền. Một người đàn ông trung tuổi chỉ tay về phía cung Tứ phủ Châu bà và nói với cả đoàn rằng: “Bà Cô tổ họ nhà mình được thờ ở trong kia kia” [Tư liệu điền dã của tác giả tại đền Thiên Hậu Thượng, ngày 06/10/2019].

Như vậy, cho đến nay, tín ngưỡng thờ Thiên Hậu ở đền Thiên Hậu Thượng đã biến đổi mạnh mẽ trên nhiều phương diện: thần điện, các nghi thức thờ cúng, lịch lễ tiết, đồ cúng, trang phục cũng như các thành phần tham gia vào việc quản lý di tích và thực hành tín ngưỡng tại đền.

3. Lực bối cảnh và sự định hướng tiếp biến văn hóa

Nghiên cứu về tiếp biến văn hóa trên thế giới hiện nay, các nhà nghiên cứu thường xem xét các yếu tố: Môi quan hệ giữa văn hóa di sản và văn hóa tiếp nhận của người di cư; vai trò của loại di cư, văn hóa tộc người và sự tương đồng văn hóa; đặc biệt là tác động của “bối cảnh tiếp nhận” (context of reception) hay còn gọi là “lực bối cảnh - contextual forces” đến quá trình tiếp biến văn hóa của người nhập cư. Lực bối cảnh này đóng vai trò “là một yếu tố quyết định đến cách thức và nhịp độ tiếp biến của người nhập cư” [Phạm Phương Chi, Trần Tịnh Vy, 2020: 67].

Bối cảnh tiếp nhận “bao gồm toàn bộ thái độ và cách thức tiếp nhận tại xã hội của nước sở tại, các đặc điểm của vùng phụ cận (như kết nối

xã hội, các khu tự trị văn hoá/cultural enclaves) lẫn các yếu tố địa lý khác (như mật độ dân số). Bối cảnh tiếp nhận cũng bao gồm sự hỗ trợ mà người di cư nhận được từ các thành viên của cộng đồng địa phương...” [Phạm Phương Chi, Trần Tịnh Vy, 2020: 67]. Trong nghiên cứu này, “bối cảnh tiếp nhận” được chúng tôi hiểu là những chính sách của chính quyền các cấp của nhóm chủ nhà (người Việt) đối với người Hoa, tổ chức xã hội của người Hoa và mối quan hệ giữa họ với người Việt đã ảnh hưởng như thế nào đến cách thức và nhịp độ tiếp biến văn hóa của người Hoa, thể hiện qua tín ngưỡng thờ Thiên Hậu ở đền Thiên Hậu Thượng.

Những khảo sát và phân tích ở các mục trên cho thấy, chính sách của Nhà nước Việt Nam nói chung, chính sách của chính quyền địa phương nói riêng qua các thời kỳ đã ảnh hưởng mạnh mẽ tới nhịp độ tiếp biến văn hóa Hoa - Việt ở Phố Hiến. Vào khoảng đầu thế kỷ XX, tín ngưỡng Tứ phủ của người Việt bắt đầu xâm nhập vào ngôi đền này trong bối cảnh Việt Nam đang trải qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp, Mỹ nên chưa chú ý nhiều đến việc quản lý tôn giáo, tín ngưỡng, đời sống kinh tế của người Hoa chưa gặp khó khăn, số lượng người Hoa vẫn còn tương đối đông đúc và kết cấu cộng đồng của họ vẫn được duy trì. Sự tiếp nhận này là do người Hoa chủ động đưa vào, cho thấy, khi bối cảnh tiếp nhận cởi mở, di dân thường chủ động lựa chọn cách tiếp biến văn hóa để dễ dàng hòa nhập với xã hội sở tại. Thời kỳ 1954 - 1975, do điều kiện chiến tranh, kinh tế khó khăn và tiếp đó là chính sách chống mê tín dị đoan của Nhà nước ta đã ảnh hưởng đến hoạt động tín ngưỡng, lúc này đền Thiên Hậu phải đóng cửa. Đồng thời, cộng đồng người Hoa cũng vì thế mà tản cư đến nhiều vùng khác nhau, họ không còn sống tập trung như trước kia. Mật độ dân số giảm mạnh, kết cấu cộng đồng tan rã, cùng với đó là việc họ đã hòa huyết với người Việt qua nhiều đời, khiến cho văn hóa của họ không được bảo lưu. Từ sau Đổi mới (năm 1986), do kinh tế phát triển, cùng với sự Đổi mới về chính sách đối với tôn giáo, tín ngưỡng, đã tạo tiền đề cho các di tích và lễ hội được khôi phục trở lại. Đặc biệt, năm 1991, với sự kiện đền được Bộ Văn hóa Thông tin công nhận là Di tích Văn hóa Nghệ thuật cấp Quốc gia, cũng như sự ủng hộ của chính quyền địa phương, các sinh hoạt tôn giáo, tín ngưỡng ở Phố Hiến nói chung, đền

Thiên Hậu nói riêng phục hồi và phát triển mạnh mẽ. Cũng trong năm 2014, khi đền cùng với nhiều di tích khác của người Việt ở Phố Hiến được Thủ tướng Chính phủ ký quyết định công nhận là Quần thể Di tích Quốc gia đặc biệt cũng là lúc Ban Quản lý đền đã được thay hoàn toàn bằng người Việt. Sự kiện này đã dẫn tới việc thành lập Ban Quản lý Khu Di tích Quốc gia đặc biệt Phố Hiến rồi chuyển đổi cơ chế quản lý di tích, tổ chức lễ hội đền Thiên Hậu theo một phương thức mới, có thể nói là đã đánh dấu chặng đường cuối cùng của quá trình Việt hóa tín ngưỡng này.

Bên cạnh tác động của “lực bối cảnh” như đã phân tích ở trên, cách thức và nhịp độ tiếp biến văn hóa của người Hoa ở Phố Hiến còn có căn nguyên từ văn hóa dân tộc và sự tương đồng văn hóa giữa hai cộng đồng Hoa - Việt. Thờ nữ thần, mẫu thần là một tín ngưỡng dân gian đặc trưng của người Việt, trong đó, tín ngưỡng thờ Tam, Tứ phủ là một điển hình. Trong số bốn mẫu thần đại diện cho điện thần Tứ phủ có Mẫu Thoải là mẫu thần sông nước. Thiên Hậu cũng là nữ thần nước, lại là nữ thần được người Trung Quốc rất sùng tín, là một trong ba tín ngưỡng dân gian tiêu biểu của họ. Điểm tương đồng này đã giúp cho tín ngưỡng Tứ phủ của người Việt dễ dàng thâm nhập và ảnh hưởng rất mạnh mẽ tới tín ngưỡng thờ Thiên Hậu ở Phố Hiến.

Kết luận

Người Hoa di cư đến Phố Hiến sinh sống bắt đầu từ thế kỉ XIII và đã có một quá trình cộng cư, tiếp xúc văn hóa rồi hòa huyết với người Việt qua nhiều đời. Song song với quá trình này là những ảnh hưởng của hoàn cảnh lịch sử, kinh tế, văn hóa, xã hội và chính sách của chính quyền sở tại các cấp đã khiến cho văn hóa của người Hoa nói chung, tôn giáo, tín ngưỡng của họ nói riêng biến đổi rất mạnh mẽ theo hướng Việt hóa. Tín ngưỡng thờ Thiên Hậu ở đền Thiên Hậu Thượng cũng không nằm ngoài xu hướng đó. Bối cảnh tiếp nhận đã khiến cho một số tín ngưỡng dân gian của người Việt ngày càng thâm nhập và ảnh hưởng mạnh mẽ hơn tới các sinh hoạt tín ngưỡng của ngôi đền này. Tuy nhiên, phải đến khi người Việt tiếp nhận cơ sở thờ tự của người Hoa, cùng với một số chính sách và sự định hướng riêng của chính quyền địa phương thì quá trình tiếp biến văn hóa trong tín

ngưỡng thờ Thiên Hậu ở đền Thiên Hậu Thượng đã chuyển sang một cách thức mới với nhịp độ nhanh dần đều. Sự biến đổi nhanh chóng về nhiều mặt: nghi thức thờ cúng, lễ tiết, đồ cúng và chức năng của Thiên Hậu cho thấy, dường như bà ngày càng được đồng nhất với mẫu Thoải trong điện thần Tứ phủ của người Việt. Sự thâm nhập của một số tín ngưỡng Việt, nhất là sức ảnh hưởng mạnh mẽ của tín ngưỡng Tứ phủ tới các sinh hoạt tín ngưỡng tại đền Thiên Hậu Thượng khiến chúng tôi băn khoăn, phải chăng, quá trình Việt hóa tín ngưỡng thờ Thiên Hậu ở ngôi đền này đang bước vào chặng cuối? Mặt khác, trường hợp nghiên cứu này cũng cho thấy, trong số các yếu tố của “lực bối cảnh” thì chủ thể của tín ngưỡng và những chính sách của địa phương dường như có ảnh hưởng mạnh mẽ hơn tới quá trình tiếp biến văn hóa của tín ngưỡng đó./.

¹ Ông T. được nhắc đến là một người Việt gốc Hoa, làm Trưởng ban quản lý đền Thiên Hậu Thượng vào khoảng những năm 2000.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Phương Chi, Trần Tịnh Vy (2020), “Tiếp biến văn hóa: Những xu hướng lý thuyết và nghiên cứu chính”, Tạp chí *Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 12.
2. Nguyễn Thị Hòa (2003), “Hội quán Phúc Kiến, phố Lãn Ông, Hà Nội, một công trình kiến trúc rất quen mà rất lạ”, Tạp chí *Khảo cổ học*, số 3/2003.
3. Nguyễn Thái Hòa (2021a), “Những biến đổi trong tín ngưỡng thờ Thiên Hậu tại hội quán Phúc Kiến, phố Lãn Ông, Hà Nội”, Tạp chí *Dân tộc học*, số 5 (227).
4. Nguyễn Thái Hòa (2021b), “Hội quán Phúc Kiến phố Lãn Ông – Di tích tiêu biểu người Hoa ở Thành phố Hà Nội”, trong *Bảo tồn di sản kiến trúc truyền thống trong đô thị Việt Nam – Cơ sở lý luận và bài học kinh nghiệm từ các nước ASEAN*, Phan Thị Hồng Xuân – Ngô Minh Hùng đồng chủ biên, Nxb. Xây dựng, Hà Nội.
5. Trần Thị Hường (2008), *Di tích và lễ hội đền Thiên Hậu ở Phố Hiến, thị xã Hưng Yên*, Luận văn Thạc sĩ Văn hóa học, Viện Nghiên cứu Văn hóa, Hà Nội.
6. Lê Hồng Lý (1999), “Hội đền Thiên Hậu”, Tạp chí *Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 2.
7. Phan Thị Hoa Lý (2008), “Tín ngưỡng Thiên Hậu ở phố Hiến”, Tạp chí *Văn hoá dân gian*, số 4.

8. Phan Thị Hoa Lý (2012), “Sự hình thành và phát triển của tín ngưỡng Thiên Hậu”, Tạp chí *Văn hoá dân gian*, số 1.
9. Phan Thị Hoa Lý (2018), *Tín ngưỡng thờ Thiên Hậu ở Việt Nam*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội.
10. Phan Thị Hoa Lý (2019), “Biến đổi tục thờ bà Thiên Hậu ở đền Thiên Hậu Hạ phố: Chiến lược hội nhập của người Hoa”, tham luận hội thảo quốc tế *Tín ngưỡng thờ Quan Âm và nữ thần ở châu Á*, do trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội và Đại học Kim Môn, Đại học Thành Công (Đài Loan, Trung Quốc) tổ chức tại Hà Nội từ ngày 5 đến ngày 7/9/2019.
11. Ngô Đức Thịnh (2010), *Đạo Mẫu Việt Nam*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
12. Tổng cục Thống kê (2020), *Kết quả toàn bộ tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.
13. Phan Thị Yến Tuyết (2001), “Về lai lịch một ngôi miếu xưa tại Hà Nội” trong *Nghĩ về Thăng Long – Hà Nội*, Hội Khoa học Lịch sử thành phố Hồ Chí Minh, Nxb. Trẻ, Hà Nội.
14. Vô danh (2021), “Những ngày tiệc trong đạo Mẫu Tứ phủ”, đăng trên <https://vanhoatamlinh.com/nhung-ngay-tiec-trong-dao-mau-tu-phu/> truy cập ngày 20/2/2023.
15. Nguyễn Thị Yên (2012), “Tục thờ Mẫu của người Việt trong cuộc sống đương đại”, Tạp chí *Văn hóa Nghệ An*, số 225.
16. Ủy ban Nhân dân tỉnh Hải Hưng – Hội Khoa học lịch sử Việt Nam (2006), *Phổ Hiến kỷ yếu hội thảo khoa học*, Sở văn hóa Thông tin – Thể thao Hải Hưng xuất bản năm 1994, tái bản lần thứ nhất năm 2006.

Abstract

**THE RECEPTION PROCESS OF SOME VIETNAMESE
BELIEFS IN THE TIANHOU WORSHIP OF THE CHINESE
IN THE CONTEXT OF ACCULTURATION
(The case of Thien Hau Thuong Pho temple, Hung Yen Province)**

Phan Thi Hoa Ly

Institute of Cultural Studies, VASS

The Chinese people immigrated to Vietnam for a long time and they have resided in various areas of the country. Their culture and beliefs have undergone numerous modifications as a result of coexisting and interacting with numerous local ethnic groups, allowing them to adjust to their new surroundings. The three most important gods in their religious lives are Tianhou (Mazu), Guan Gong, and the God of Wealth. They are also highly venerated by the Chinese and considered cores of the Chinese cultural identity. To better understand the process of Chinese culture shifting to fit into a new society, this study will examine how some Vietnamese beliefs have been received in the Tianhou worship of the Chinese people in Pho Hien. The paper also outlines the history of reception as well as examines the contextual forces including the elements that affect acculturation.

Keywords: belief, Tianhou worship, Chinese people, acculturation, cultural identity, contextual forces